CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0188(1)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung
Ngày quan trắc : 24/09/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K1-K2/06/24.09.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Tiếng ồn[(a)(*)]	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA
2	Độ rung[(a)(*)]	TCVN 6963:2001	20 ÷ 150 dB

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Tiếng ồn	Độ rung
Đơn vị	-	**dBA**	**dB**
1. Khu vực gần cụm thiết bị nén	9h00	63,9	57
2. Khu vực gần cụm thiết bị nén	9h35	65,6	54
QCVN 26:2010/BTNMT	-	***6 giờ - 21 giờ: 70*** ***21 giờ - 6 giờ: 55***	-
Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất thương mại dịch vụ tại khu vực thông thường (QCVN 27:2010/BTNMT)	-	-	***6 giờ - 21 giờ: 70*** ***21 giờ - 6 giờ: 60***

Ghi chú:
(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0188(1)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hồ lưu nước thải sau khi qua hệ thống xử lý

Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01

Mã số mẫu : NT1/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ(a)(*)	°C	30,3	4 ÷ 55	40	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)(*)	-	7,29	2 ÷ 12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
3	COD(a)	mg/L	80,0	3,0	150	SMEWW 5220C:2017
4	BOD_5(a)	mg/L	32,0	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
5	TSS(a)	mg/L	42,0	4,0	100	TCVN 6625:2000
6	Tổng Nito(a)	mg/L	12,2	2,0	40	TCVN 6638:2000
7	Tổng Phospho(a)	mg/L	1,09	0,03	6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
8	Clorua(a)	mg/L	130,1	5,0	1.000	TCVN 6194:1996
9	Sắt(a)	mg/L	0,27	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Cr (VI)(a)	mg/L	KPH	0,003	0,1	SMEWW 3500-Cr.B:2017
11	Tổng dầu, mỡ khoáng(Δ)	mg/L	KPH	1,65	-	SMEWW 5520 B&F:2023
12	Cu(Δ)	mg/L	KPH	0,009	2	SMEWW 3125.B:2023
13	Pb(Δ)	mg/L	KPH	0,0004	0,5	SMEWW 3125.B:2023
14	Zn(Δ)	mg/L	0,0169<LOQ (0,025)	0,009	3	SMEWW 3125.B:2023
15	Cd(Δ)	mg/L	KPH	0,0004	0,1	SMEWW 3125.B:2023
16	Hg(Δ)	mg/L	KPH	0,0004	0,01	SMEWW 3125.B:2023
17	Sunfua (Tính theo H_2S)(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
18	Lưu lượng(Δ)	m^3/h	Không đo được	-	-	IST-HD22
19	Coliform(a)	MPN/100mL	2.100	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*

(ω): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

(Δ):Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO, Vimcerts 239)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT QUẬN 12 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0188(1)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà điều khiển/ thí nghiệm
Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT2/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[(a)(*)](30,3°C)	-	7,19	**2 ÷ 12**	**5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[(a)]	mg/L	35,2	**1,0**	**60**	SMEWW 5210B:2017
3	TSS[(a)]	mg/L	28,0	**4,0**	**120**	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật[(a)]	mg/L	1,0	**0,3**	**24**	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H_2S)[(a)]	mg/L	KPH	**0,07**	**4,8**	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
6	Amoni[(a)] (Tính theo N)	mg/L	2,13	**1,0**	**12**	TCVN 5988:1995
7	Nitrat[(a)] (Tính theo N)	mg/L	2,72	**0,12**	**60**	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017
8	Photphat[(a)] (Tính theo P)	mg/L	2,54	**0,03**	**12**	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt[(a)]	mg/L	0,23	**0,05**	**5**	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt[(a)]	mg/L	KPH	**0,03**	**12**	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform[(a)]	MPN/100mL	2.400	**2**	**5.000**	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng[(Δ)]	m^3/h	Không đo được	-	-	IST-HD22

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[(a)]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[(*)]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[(Δ)]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO, Vimcerts 239)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0188(1)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà ăn
Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT3/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[(a)(*)](30,7°C)	-	7,18	**2 ÷ 12**	**5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[(a)]	mg/L	32,6	**1,0**	**60**	SMEWW 5210B:2017
3	TSS[(a)]	mg/L	38,0	**4,0**	**120**	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật[(a)]	mg/L	1,10	**0,3**	**24**	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H_2S)[(a)]	mg/L	KPH	**0,07**	**4,8**	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
6	Amoni[(a)] (Tính theo N)	mg/L	1,01	**1,0**	**12**	TCVN 5988:1995
7	Nitrat[(a)] (Tính theo N)	mg/L	2,76	**0,12**	**60**	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017
8	Photphat[(a)] (Tính theo P)	mg/L	1,70	**0,03**	**12**	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt[(a)]	mg/L	0,11	**0,05**	**5**	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt[(a)]	mg/L	KPH	**0,03**	**12**	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform[(a)]	MPN/100mL	2.100	**2**	**5.000**	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng[(Δ)]	m^3/h	Không đo được	-	-	IST-HD22

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[(a)]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[(*)]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[(Δ)]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO, Vimcerts 239)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0188(1)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà văn phòng
Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT4/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[(a)(*)](30,5°C)	-	7,34	**2 ÷ 12**	**5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[(a)]	mg/L	37,7	**1,0**	**60**	SMEWW 5210B:2017
3	TSS[(a)]	mg/L	36,0	**4,0**	**120**	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật[(a)]	mg/L	1,10	**0,3**	**24**	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H_2S)[(a)]	mg/L	KPH	**0,07**	**4,8**	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
6	Amoni[(a)] (Tính theo N)	mg/L	1,57	**1,0**	**12**	TCVN 5988:1995
7	Nitrat[(a)] (Tính theo N)	mg/L	2,56	**0,12**	**60**	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017
8	Photphat[(a)] (Tính theo P)	mg/L	1,83	**0,03**	**12**	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt[(a)]	mg/L	0,08	**0,05**	**5**	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt[(a)]	mg/L	KPH	**0,03**	**12**	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform[(a)]	MPN/100mL	1.700	**2**	**5.000**	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng[(Δ)]	m^3/h	Không đo được	-	-	IST-HD22

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[(a)]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[(*)]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[(Δ)]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO, Vimcerts 239)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0188(1)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà bảo vệ (khu vực nhà máy)
Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT5/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[(a)(*)](30,6°C)	-	6,79	**2 ÷ 12**	**5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[(a)]	mg/L	35,2	**1,0**	**60**	SMEWW 5210B:2017
3	TSS[(a)]	mg/L	28,0	**4,0**	**120**	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật[(a)]	mg/L	KPH	**0,3**	**24**	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H_2S)[(a)]	mg/L	KPH	**0,07**	**4,8**	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
6	Amoni[(a)] (Tính theo N)	mg/L	1,79	**1,0**	**12**	TCVN 5988:1995
7	Nitrat[(a)] (Tính theo N)	mg/L	2,59	**0,12**	**60**	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017
8	Photphat[(a)] (Tính theo P)	mg/L	2,02	**0,03**	**12**	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt[(a)]	mg/L	0,18	**0,05**	**5**	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt[(a)]	mg/L	KPH	**0,03**	**12**	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform[(a)]	MPN/100mL	2.500	**2**	**5.000**	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng[(Δ)]	m^3/h	Không đo được	-	-	IST-HD22

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[(a)]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[(*)]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[(Δ)]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO, Vimcerts 239)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0188(1)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà bảo vệ (Khu vực kho chứa sản phẩm)
Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT6/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[(a)(*)](30,6°C)	-	6,89	**2 ÷ 12**	**5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[(a)]	mg/L	33,9	**1,0**	**60**	SMEWW 5210B:2017
3	TSS[(a)]	mg/L	42,0	**4,0**	**120**	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật[(a)]	mg/L	KPH	**0,3**	**24**	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H_2S)[(a)]	mg/L	KPH	**0,07**	**4,8**	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
6	Amoni[(a)] (Tính theo N)	mg/L	1,68	**1,0**	**12**	TCVN 5988:1995
7	Nitrat[(a)] (Tính theo N)	mg/L	2,40	**0,12**	**60**	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017
8	Photphat[(a)] (Tính theo P)	mg/L	1,92	**0,03**	**12**	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt[(a)]	mg/L	0,10	**0,05**	**5**	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt[(a)]	mg/L	KPH	**0,03**	**12**	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform[(a)]	MPN/100mL	2.400	**2**	**5.000**	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng[(Δ)]	m^3/h	Không đo được	-	-	IST-HD22

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[(a)]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[(*)]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[(Δ)]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO, Vimcerts 239)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN-SỨC KHỎE-MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0188(1)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại phòng điều khiển
Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT7/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[(a)(*)](30,4°C)	-	7,56	**2 ÷ 12**	**5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[(a)]	mg/L	32,6	**1,0**	**60**	SMEWW 5210B:2017
3	TSS[(a)]	mg/L	26,0	**4,0**	**120**	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật[(a)]	mg/L	KPH	**0,3**	**24**	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H_2S)[(a)]	mg/L	KPH	**0,07**	**4,8**	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
6	Amoni[(a)] (Tính theo N)	mg/L	2,91	**1,0**	**12**	TCVN 5988:1995
7	Nitrat[(a)] (Tính theo N)	mg/L	2,32	**0,12**	**60**	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017
8	Photphat[(a)] (Tính theo P)	mg/L	2,34	**0,03**	**12**	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt[(a)]	mg/L	0,23	**0,05**	**5**	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt[(a)]	mg/L	KPH	**0,03**	**12**	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform[(a)]	MPN/100mL	2.200	**2**	**5.000**	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng[(Δ)]	m^3/h	Không đo được	-	-	IST-HD22

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[(a)]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[(*)]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[(Δ)]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO, Vimcerts 239)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN·SỨC KHỎE·MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0188(1)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà kho/Xưởng
Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT8/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[(a)(*)](30,3°C)	-	7,13	**2 ÷ 12**	**5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[(a)]	mg/L	33,3	**1,0**	**60**	SMEWW 5210B:2017
3	TSS[(a)]	mg/L	32,0	**4,0**	**120**	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật[(a)]	mg/L	KPH	**0,3**	**24**	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H_2S)[(a)]	mg/L	KPH	**0,07**	**4,8**	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
6	Amoni[(a)] (Tính theo N)	mg/L	2,24	**1,0**	**12**	TCVN 5988:1995
7	Nitrat[(a)] (Tính theo N)	mg/L	2,49	**0,12**	**60**	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017
8	Photphat[(a)] (Tính theo P)	mg/L	2,02	**0,03**	**12**	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt[(a)]	mg/L	0,21	**0,05**	**5**	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt[(a)]	mg/L	KPH	**0,03**	**12**	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform[(a)]	MPN/100mL	2.000	**2**	**5.000**	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng[(Δ)]	m^3/h	Không đo được	-	-	IST-HD22

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[(a)]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[(*)]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[(Δ)]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO, Vimcerts 239)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0188(1)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại phòng điều khiển khu vực cảng xuất sản phẩm
Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT9/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[(a)(*)](30,5°C)	-	7,39	**2 ÷ 12**	**5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[(a)]	mg/L	37,1	**1,0**	**60**	SMEWW 5210B:2017
3	TSS[(a)]	mg/L	42,0	**4,0**	**120**	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật[(a)]	mg/L	0,70	**0,3**	**24**	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H_2S)[(a)]	mg/L	KPH	**0,07**	**4,8**	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
6	Amoni[(a)] (Tính theo N)	mg/L	1,79	**1,0**	**12**	TCVN 5988:1995
7	Nitrat[(a)] (Tính theo N)	mg/L	2,65	**0,12**	**60**	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017
8	Photphat[(a)] (Tính theo P)	mg/L	2,43	**0,03**	**12**	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt[(a)]	mg/L	0,18	**0,05**	**5**	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt[(a)]	mg/L	KPH	**0,03**	**12**	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform[(a)]	MPN/100mL	2.100	**2**	**5.000**	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng[(Δ)]	m^3/h	Không đo được	-	-	IST-HD22

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[(a)]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[(*)]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[(Δ)]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO , Vimcerts 239)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn

Số: 0188(6)-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hồ lưu nước thải sau khi qua hệ thống xử lý

Ngày lấy mẫu : 24/09/2024 Lần ban hành : 01

Mã số mẫu : NT1/06/24.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	DO[(b)]	mg/L	3,51	**0 – 16**	-	TCNV 7325:2016

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*

[(b)] : Các chỉ tiêu đã được VALAS công nhận

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN-SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.